

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 68/2025/DS-ST

Ngày: 04-8-2025

V/v tranh chấp hợp đồng dân sự-
đòi tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1- THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Đức Tĩnh**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Võ Anh Thư**

2. Ông **Phú Minh Thông**

- **Thư ký phiên tòa:** Bà **Nguyễn Thị Thanh Kim Tuyền**, Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 1- Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 1- Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông **Nguyễn Hồng Thái**- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 21 tháng 7 và 04 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1- Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 3089/2024/TLST-DS ngày 10 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự- đòi tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 116/2025/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 5 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 96/2025/QĐST-DS ngày 23 tháng 6 năm 2025 và Quyết định ngừng phiên tòa số: 05/2025/QĐST-DS ngày 21 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà HCEN, sinh năm 1967

Địa chỉ: Số 18C đường L, phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh (Địa chỉ cũ: Số 18C đường L, phường Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện hợp pháp của Nguyên đơn:

- Bà ĐTPD, sinh năm 1977, địa chỉ: Số 06 đường A, phường Hiệp Bình, Thành phố Hồ Chí Minh (Địa chỉ cũ: Số 06 đường A, phường Hiệp Bình Chánh, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh). Có mặt tại phiên tòa ngày 21/7/2025, có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa ngày 04/8/2025.

- Ông ĐVT, sinh năm 1990, địa chỉ: Số 83 đường B, phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh (Địa chỉ cũ: Số 83 đường B, phường An Khánh, thành

phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh). Có mặt tại phiên tòa ngày 21/7/2025, có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa ngày 04/8/2025.

2. Bị đơn: Công ty TNHH S

Địa chỉ: số 02 đường C, phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh (Địa chỉ cũ: số 02 đường C, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh).
Vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH S:

Ông JL, sinh năm 1982, địa chỉ: Chung cư X, phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh (Địa chỉ cũ: Chung cư X, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 19/8/2024, các bản khai, biên bản làm việc và trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa, Nguyên đơn- Có bà ĐTPD và ông ĐVT đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 29/8/2022, Nguyên đơn có chuyển vào tài khoản Công ty TNHH S (gọi tắt là “S” hoặc “Công ty”) tổng số tiền là 2.339.962.644 đồng với mục đích đầu tư cùng S vào S-HL.

Do không thấy thông báo nào liên quan đến việc phát hành cổ phần từ S kể từ khi chuyển khoản số tiền nêu trên, Nguyên đơn đã chủ động liên hệ và tìm hiểu về nguyên nhân của vụ việc. Sau đó, Nguyên đơn biết được S chưa từng đầu tư vào S-HL và S-HL với S là hai doanh nghiệp khác nhau. Ngay lập tức, Nguyên đơn đã liên hệ và tìm mọi phương pháp để liên lạc, nhờ phía S hỗ trợ và hoàn trả đầy đủ số tiền này cho Nguyên đơn.

Tuy nhiên, dù đã cố gắng liên lạc, gửi thư yêu cầu rất nhiều lần nhưng Nguyên đơn không nhận được bất kỳ phản hồi nào từ phía Công ty. Cho đến thời điểm hiện tại, Công ty cũng không có bất kỳ động thái hay phản hồi thiện chí nào trong việc hoàn trả lại toàn bộ số tiền Nguyên đơn đã chuyển khoản.

Kể từ ngày Nguyên đơn chuyển khoản toàn bộ số tiền nêu trên, Bị đơn vẫn giữ số tiền của Nguyên đơn, đây là hành động hoàn toàn sai trái, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn. Thêm vào đó, số tiền này có giá trị rất lớn với Nguyên đơn, bởi nếu được hoàn trả đầy đủ, Nguyên đơn đã có thể sử dụng cho các mục đích đầu tư sinh lời khác. Nguyên đơn cho rằng điều này đã và đang gây những ảnh hưởng nặng nề đến tình hình tài chính cá nhân của mình.

Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc S hoàn trả toàn bộ số tiền đã chuyển khoản cho Nguyên đơn, cụ thể là: 2.339.962.644 đồng và toàn bộ tiền lãi phát sinh, cụ thể là: 428.993.151 đồng (áp dụng mức lãi suất đối với khoản tiền thanh toán là 10%/năm, tạm tính từ thời điểm Nguyên đơn chuyển khoản cho Bị đơn vào tháng 8 năm 2022 đến thời điểm hiện tại).

** Đối với Bị đơn- Công ty TNHH S (gọi tắt là Công ty):*

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục theo quy định pháp luật: Tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Giấy triệu tập về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Giấy triệu tập xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa... nhưng Công ty không có văn bản phản hồi ý kiến, không đến Tòa án để giải quyết vụ án. Công ty không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa ngày 04/8/2025 và có các yêu cầu bằng văn bản như sau: Yêu cầu Bị đơn trả tiền nợ gốc là **2.336.458.650** đồng, thanh toán khoản tiền lãi chậm trả tính từ ngày 10/10/2024 đến ngày 04/8/2025 (tương ứng **298** ngày), tính theo lãi suất 10%/năm, với công thức:

Tiền lãi = [2.336.458.650 đồng] x [10%] x [**298/365**] = **190.757.446** đồng.

Tổng số tiền Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn hoàn trả: **2.527.216.096** đồng.

** Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 1- Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:*

Việc chấp hành pháp luật tố tụng:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng đã chấp hành các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thời hiệu, thực hiện thủ tục cấp tổng đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, thành phần tham gia xét xử...được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận **toàn bộ** yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bà HCEN có đơn khởi kiện đòi Công ty TNHH S (gọi tắt là “Công ty”) trả tiền. Công ty có địa chỉ trụ sở tại Quận 1 (cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án dân sự về “tranh chấp hợp đồng dân sự- Đòi tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1 (cũ), Thành phố Hồ Chí Minh nay là Tòa án nhân dân Khu vực 1- Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Về việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

Xét thấy, tại Đơn khởi kiện, Nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc Bị đơn trả ngay **2.339.962.644** đồng nợ gốc và lãi.

Tại phiên tòa, Nguyên đơn thay đổi yêu cầu, đề nghị Tòa án buộc Bị đơn trả tiền nợ gốc là **2.336.458.650** đồng và lãi.

Xét việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu. Căn cứ vào Điều 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

[1.3] Bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Bị đơn.

[1.4] Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Nguyên đơn.

[1.5] Về thủ tục ủy quyền:

Nguyên đơn- Bà HCEN ủy quyền cho bà ĐTPD, ông ĐVT tham gia tố tụng theo Giấy ủy quyền số công chứng: 001174, quyền số: 01/2024 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 26/4/2024 được công chứng tại Văn phòng Công chứng D, việc ủy quyền tham gia tố tụng là phù hợp quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu của bà HCEN đòi Công ty trả số tiền nợ gốc là **2.336.458.650** đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Ngày 29/8/2022, bà HCEN có chuyển vào tài khoản của Công ty tại Ngân hàng K số tiền **2.336.458.650** đồng, đây là tài sản riêng của bà HCEN chuyển cho Công ty với mục đích **sẽ** đầu tư cùng Công ty để góp vốn vào Công ty S-HL. Tuy nhiên, hai bên không có thỏa thuận bằng văn bản thể hiện đầu tư về việc gì hoặc dự án đầu tư nào, mục tiêu, quy mô, địa điểm, vốn đầu tư dự án ra sao, mọi việc đều do bà HCEN trao đổi qua điện thoại và email với ông JL- Người đại diện theo pháp luật của Công ty; hai bên cũng không có xác nhận vốn góp nào từ Công ty S-HL đối với Công ty hoặc bà HCEN. Theo giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án: 9871333596 ngày 14/11/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp thì nhà đầu tư S-HL có trụ sở tại Hồng Kông, người đại diện theo pháp luật là ông JL, đăng ký thực hiện dự án đầu tư Công ty TNHH S, mục tiêu thiết lập mạng xã hội, sản xuất phần mềm

máy vi tính, thiết kế, lập trình... S-HL góp vốn 100% tương ứng 1.163.500.000 đồng. Theo báo cáo tài chính doanh nghiệp năm 2022, 2023 và 2024 trên hệ thống thuế điện tử do Thuế Thành phố Hồ Chí Minh cung cấp thì Công ty TNHH S không báo cáo khoản tiền 2.336.458.650 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây không phải là khoản tiền bà HCEN góp vốn kinh doanh nên Công ty cần phải hoàn trả ngay cho bà HCEN.

Công ty không hoạt động tại địa chỉ đăng ký kinh doanh nhưng không thông báo cho bà HCEN biết, Công ty hiện chưa đăng ký giải thể hay phá sản. Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho Công ty, nhưng Công ty không đến Tòa giải quyết, không có văn bản phản đối yêu cầu của bà HCEN; do đó, yêu cầu của bà HCEN đòi Công ty trả số tiền nợ gốc 2.336.458.650 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 166 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu của bà HCEN về việc yêu cầu Công ty trả tiền lãi từ ngày Tòa án thụ lý vụ án (từ ngày 10/10/2024 đến ngày 04/8/2025 là 190.757.446 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Ngày 29/8/2022, bà HCEN chuyển 2.336.458.650 đồng cho Công ty, nhiều lần bà yêu cầu (qua email) Công ty hoàn trả khoản tiền này chậm nhất là 17 giờ 00 ngày 17/6/2024 nhưng Công ty không trả. Như vậy có cơ sở để xác định thời điểm tính lãi cho khoản tiền 2.336.458.650 đồng mà Công ty đang giữ của bà HCEN là ngày 18/6/2024. Bà HCEN yêu cầu Công ty trả tiền lãi theo mức lãi suất 10%/năm tính từ ngày 10/10/2024 (ngày Tòa án thụ lý vụ án) đến ngày Tòa án xét xử vụ án (04/8/2025) là có lợi cho Bị đơn và phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, yêu cầu của bà HCEN về việc buộc Công ty trả số tiền lãi 190.757.446 đồng là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Xét, đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 1- Thành phố Hồ Chí Minh về hướng giải quyết vụ án phù hợp với đánh giá, nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

[3] Về án phí: Theo quy định tại Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Công ty phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 82.544.322 đồng. Bà HCEN không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của BLTTDS 2015. Viện kiểm sát được quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 166, Điều 351, Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b, Điều 9, Điều 26 và Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ vào Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà HCEN.

Buộc Công ty TNHH S trả cho bà HCEN số tiền 2.336.458.650 đồng nợ gốc và tiền lãi 190.757.446 đồng, tổng cộng là 2.527.216.096đ (Hai tỉ năm trăm hai mươi bảy triệu hai trăm mười sáu nghìn không trăm chín mươi sáu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

Công ty phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 82.544.322đ (Tám mươi hai triệu năm trăm bốn mươi bốn nghìn ba trăm hai mươi hai đồng).

Bà HCEN không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà HCEN 43.689.558đ (Bốn mươi ba triệu sáu trăm tám mươi chín nghìn năm trăm năm mươi tám đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án, ký hiệu: BLTU/23P, số: 0043880 ngày 04/10/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng Thi hành án Dân sự Khu vực 1- Thành phố Hồ Chí Minh).

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Các Đương sự không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Viện kiểm sát được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành

án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- **VKSND TP.HCM;**
- VKSND KV1-TP.HCM;
- THADS TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Tĩnh